

Số : 432 /TM-TTYT
V/v yêu cầu báo giá trang thiết bị y tế

Tân Kỳ, ngày 05 tháng 5 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ.

Địa chỉ: Khối 4, thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Thái Thị Thanh Lan (khoa Dược – Trang thiết bị, Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ)
SĐT: 0362650968, email: dauthauttytk@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá bản cứng tại địa chỉ: Khoa Dược – Trang thiết bị, Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ, Khối 4, thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 06 tháng 05 năm 2025 đến hết ngày 16 tháng 05 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 16 tháng 05 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá yêu cầu báo giá: Tại *phụ lục 1* đính kèm công văn này.

- Nhà sản xuất/Nhà cung cấp thực hiện báo giá theo mẫu tại *phụ lục 2* đính kèm công văn này.

2. Địa điểm cung cấp: Giao hàng trực tiếp về kho Khoa Dược – TTB, Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ, Khối 4, thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình vận chuyển, hàng hóa được bảo quản theo yêu cầu của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Sau khi ký hợp đồng, thời gian giao hàng trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.



4. Các thông tin khác (nếu có): Không yêu cầu.

Bên chào giá đồng ý cho Trung tâm được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các bản báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia chào giá.

Bản báo giá của Quý công ty sẽ là căn cứ để Trung tâm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm. Rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Website Trung tâm;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Thái Hải Đăng





PHỤ LỤC 1 DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN KỲ
(Ban hành kèm Thư mời chào giá số 432 /TM-TTYT ngày 05 /5 /2025 của TTYT huyện Tân Kỳ)

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
01	Máy siêu âm	I. Yêu cầu chung: - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đạt chứng chỉ CE cho thiết bị chính - Điện nguồn cung cấp: phù hợp với mạng lưới điện Việt Nam II. Cấu hình cung cấp: - Máy chính và màn hình LED Full HD ≥ 21.5 inch - Màn hình điều khiển cảm ứng ≥ 14 inch. - ≥ 04 cổng nối đầu dò - Đầu dò Khối Convex đa tần số: 01 cái - Đầu dò Convex đa tần số: 01 cái - Đầu dò Linear đa tần số: 01 cái - Đầu dò Phased Array đa tần số: 01 cái - 01 gói phần mềm: đã kích hoạt đầy đủ tất cả các tính năng hình ảnh, đo lường và phân tích chuyên sâu; không giới hạn		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		bản quyền. - Ứng dụng siêu âm bụng - sản khoa - phụ khoa - tiết niệu - mạch máu - tuyến giáp - vú - phần nông - nhi khoa - cơ xương khớp - tim. - Phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo máy chính hãng. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt III. Thông số kỹ thuật: 1. CẤU HÌNH HỆ THỐNG - Màn hình chính: LED Full HD ≥ 21.5 inch, độ phân giải $\geq 1920 \times 1080$ hoặc tương đương - Màn hình điều khiển: LCD cảm ứng ≥ 14 inch hoặc tương đương - Cổng đầu dò: ≥ 04 cổng - Hệ điều hành: Windows 10 hoặc tương đương - CPU: Intel i5 2.5GHz / GPU: NVIDIA GTX 1650 hoặc tương đương - RAM: ≥ 16 GB / SSD: ≥ 512 GB 2. CÁC ĐẦU DÒ Đầu dò khối Convex: - Loại đầu dò: Volume Convex - Vật liệu: Single Crystal - Số phần tử: ≥ 128 - Góc quét: $\geq 70^\circ$ - Bán kính cong: ≥ 41.4 mm		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Tần số: 1 ~ 8 MHz Đầu dò Convex: - Loại đầu dò: Convex - Vật liệu: Single Crystal - Số phần tử: ≥ 192 - Góc quét: $\geq 66^\circ$ - Bán kính cong: ≥ 56.8 mm - Tần số: 1 ~ 7 MHz Đầu dò Linear: - Loại đầu dò: Linear - Vật liệu: PZT - Số phần tử: ≥ 256 - Chiều rộng vùng quét: ≥ 50 mm - Tần số: 3 ~ 14 MHz Đầu dò Phased Array: - Loại đầu dò: Phased Array - Vật liệu: Single Crystal - Số phần tử: ≥ 80 - Góc quét: $\geq 90^\circ$ - Tần số: 1 ~ 5 MHz 3. CHẾ ĐỘ HÌNH ẢNH		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		2D Mode: - Hỗ trợ Harmonic, Trapezoidal (tuyến tính), Pulse Inversion, S-Harmonic. - Tối đa 8 điểm tiêu cự. - Độ phân giải động: 10 ~ 372. - Tần số quét: tối đa 5.000 Hz. - Độ sâu quét: 2 ~ 55 cm (tùy đầu dò). - Hỗ trợ các hiệu chỉnh: ClearVision™, MultiVision™, Line Density, Edge Enhance, Dynamic Range, Gray Map, v.v. M Mode: - Hình ảnh chuyển động theo thời gian (Motion Mode). - Có chế độ M đường chéo (Anatomical M). - Có thể điều chỉnh Sweep Speed (60 ~ 360 Hz), Chroma Map, Gain, Zoom, và vị trí dòng M. Color Doppler Mode: - Hiển thị lưu lượng máu màu. - Hỗ trợ các hiệu chỉnh: PRF, Line Density, Filter, Gain, Color Sensitivity, Smoothing, Baseline. - Tối ưu hóa theo loại hình khám. - Có Color Invert, Alpha Blending. Power Doppler / S-Flow™ Mode: - Hình ảnh lưu lượng máu có độ nhạy cao. - Hỗ trợ MV-Flow™, Invert, Line Density, Persistence. - Tự động điều chỉnh phát/nhận theo vị trí hộp màu. Pulsed Wave Doppler (PW):		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Đo vận tốc dòng máu tại điểm xác định. - Vận tốc tối đa: 70 m/s; PRF: 1.04 ~ 35.96 kHz. - Có chế độ HPRF (High PRF), AutoCalc, Steer Invert. Continuous Wave Doppler (CW): - Đo dòng máu có vận tốc cao liên tục. - Vận tốc tối đa: 90 m/s. - Có Baseline Shift, Steer Invert, AutoCalc. - Tùy chỉnh âm thanh, sweep speed, filter. CEUS+ (Siêu âm tương phản): - Hỗ trợ chất tương phản thương mại (MI: 0.04 ~ 0.4). - Hình ảnh tương phản Harmonic & Phi tuyến. - Có chế độ TIC (Time Intensity Curve), Dual Imaging. - Ghi lại vòng lặp lên tới 6 phút Volume Mode (3D/4D): - Hình ảnh khối và dựng hình 3D. - Góc quét: 10 ~ 120° (tùy đầu dò). - Chế độ hiển thị: MPR, Oblique View, MSV. - Hỗ trợ các công nghệ: Realistic Vue™, CrystalVue™, Smart 4D. ElastoScan+™ (Đàn hồi mô): - Đánh giá độ cứng mô bằng sóng biến dạng. - Có Dual/Quad View, ROI Mode, Color Map, Frame Average, Zoom. - Cho phép so sánh kích thước tổn thương.		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		Panoramic Imaging: - Tạo ảnh mở rộng theo chiều ngang. - Có thể lưu, xoay, zoom và đo trực tiếp trên ảnh. - Hỗ trợ đầu dò cong và tuyến tính. TDI / TDW Mode (Tissue Doppler Imaging): - Đánh giá vận động cơ tim. - Chế độ 2D/TD đồng thời, chế độ triplex. - Tần số PRF: 0.06 ~ 20.11 kHz. - Có mã hóa màu đến 65.536 bước. MV-Flow™: - Đánh giá lưu lượng máu siêu nhỏ. - Tối ưu hóa hình ảnh vi mạch. Arterial Analysis Mode (Phân tích động mạch): - Phân tích động mạch cảnh/ngoại biên. - Vẽ ROI hình tròn/đường/ô vuông để phân tích. - Tham số đo: Độ dịch chuyển, Strain, Tốc độ biến dạng, Tốc độ. - Hỗ trợ alpha blending, hiển thị các đoạn động mạch, phân tích đường kính nội/mạch S-Shearwave Imaging™: - Đo độ đàn hồi mô theo thời gian thực bằng sóng biến dạng. - Đơn vị hiển thị: m/s hoặc kPa. - Hỗ trợ bản đồ độ tin cậy (Confidence Map). - Có Propagation Map, đo ROI ngay trên ảnh Live		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		IOTA-ADNEX Mode: - Dự đoán nguy cơ ung thư buồng trứng theo mô hình IOTA. - Người dùng nhập thủ công hoặc sử dụng dữ liệu đo sẵn từ hình ảnh siêu âm. - Hiện thị nguy cơ theo từng bước, có biểu đồ và mô tả văn bản. S-Detect™ for Breast / Thyroid: - Tự động nhận diện, phân loại và gợi ý chẩn đoán khối u vú và tuyến giáp. - Tích hợp hệ thống BI-RADS (Breast) và TI-RADS (Thyroid). - Có thể chỉnh sửa đường viền, đo kích thước, khoảng cách tối đa/núm vú. - Hiện thị đồ họa trực quan vị trí tổn thương và gợi ý phân loại nguy cơ. Các chế độ hiển thị hình ảnh (Display Modes): - Single Mode / Dual Mode / Quad Mode - Duplex Mode (2D + Doppler) - Triplex Mode (2D + Color + PW) - Dual Live Mode - Zoom Mode (Read / Write Zoom) - Wide Screen / Full Screen / Large Screen Modes 4. Bộ nhớ Cine / Bộ nhớ hình ảnh Dung lượng: - CINE Memory: Tối đa 85.912 khung hình - LOOP Memory: Tối đa 122.568 dòng quét		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		Định dạng lưu trữ: - DICOM (chuẩn chính) - Có thể xuất sang các định dạng khác: AVI, MPEG, JPEG, BMP, TIFF 5. Kết nối: - Kết nối DICOM (chuẩn DICOM 3.0) - Cổng Ethernet: 1000BASE-T (Gigabit) - Cổng USB: ≥ 4 cổng USB 3.0 (2 trước, 2 sau) - Cổng HDMI: ≥ 2 cổng, hỗ trợ $\geq 1920 \times 1080$		
02	Tủ an toàn sinh học cấp 2	I. Yêu cầu chung: - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Điện nguồn cung cấp: phù hợp với mạng lưới điện Việt Nam II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT : - Kích thước ngoài (DxR/SxC) : $\geq 1200 \times 800 \times 1314$ - Kích thước trong (DxRxH) : $\geq 1133 \times 646 \times 538$ - Dòng khí : 70% khí hoàn lưu, 30% khí thoát ra - Cường độ sáng : ≥ 750 lux - Cường độ UV : $\geq 40 \mu\text{w}/\text{cm}^2$ - Tốc độ khí xuống : $0.25\text{-}0.5 \text{ m/s}$		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Tốc độ khí trung bình : $\geq 0.4\text{m/s}$ - Bộ điều khiển : Màn hình cảm ứng - Lọc HEPA : 99,99% đối với các hạt có kích thước 0.3 micro - Mờ cửa tối đa : 42cm - Độ ồn dbA ≤ 65 - Công suất $\geq 600\text{W}$ - Bảng điều khiển : Được gắn phía trước tủ trang bị màn hình cảm ứng, thao tác điều khiển đèn chiếu sáng, đèn UV, quạt thổi trên màn hình - Ổ cắm điện : Cấp điện dự phòng, có nắp bảo vệ an toàn khi thao tác - Kết cấu : Cấu trúc bên ngoài là sắt sơn tĩnh điện và bên trong được làm bằng inox 304 dày 1.5mm. Cửa kéo bằng kính cường lực có đối trọng và bề mặt nghiêng 10 độ giúp việc thao tác một cách dễ dàng. - Lỗ thông khí : Lưu thông không khí, chống rò rỉ , không gây ô nhiễm		
03	Máy chụp ảnh màu đầy mắt	I. Yêu cầu chung: - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Điện nguồn cung cấp: phù hợp với mạng lưới điện Việt Nam		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		II. Cấu hình bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái - Tì cầm: 01 cái - Giấy tì cầm: 01 - Dây cáp nguồn: 01 cái - Bao phủ bụi: 01 - Máy tính: 01 bộ - Máy in phun màu: 01 cái - Bàn kê máy điều khiển nâng hạ bằng motor điện: 01 cái II. Thông số kỹ thuật : - Có hệ thống tự động 3D tìm, lấy nét và chụp ảnh đáy mắt - Có khả năng kết nối với hầu hết các loại máy tính hoặc laptop sử dụng hệ điều hành Window - Có thiết kế nhỏ gọn, dễ dàng tháo rời - Có giao diện thiết kế thân thiện, dễ dàng sử dụng - Có tích hợp ≥ 10 loại ngôn ngữ - Có khả năng chụp hình ảnh độ phân giải tối thiểu ≥ 12 megapixels - Cho phép chụp ít nhất ≥ 10 vị trí trên võng mạc, bao gồm võng mạc trung tâm và võng mạc chu biên - Cho phép ghép các ảnh võng mạc tại các vị trí khác nhau để tạo thành hình ảnh võng mạc tổng thể		

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Không yêu cầu nhỏ gọn đồng tử - Có tích hợp hệ thống camera kỹ thuật số - Có tích hợp bộ lọc hình ảnh kỹ thuật số - Có tích hợp ít nhất 2 định dạng hình ảnh: JPEG, PNG, - Có chế độ truyền dữ liệu hình ảnh thông qua DICOM - Có khả năng chụp ảnh vòng mạc trung tâm ít nhất $\geq 45^\circ$ - Kích thước đồng tử nhỏ nhất cho phép chụp 4mm - Khoảng cách chụp 25 mm - Có khả năng điều chỉnh khoảng lấy nét: Từ -15D đến +15D (không có kính bù trừ), Từ -30D đến -10D hoặc từ +5D đến +30D (với kính bù trừ) - Cường độ đèn Flash ≥ 10 mức độ, có thể tùy chỉnh bằng tay - Nguồn sáng: Nguồn quan sát: Ánh sáng LED hồng ngoại; Nguồn sáng đèn Flash: LED trắng - Chế độ ghép ảnh có thể ghép 3 ảnh - Tì cầm chỉnh điện - Giao diện: USB 2.0		

(Ban hành kèm Thư mời chào giá số /TM-TTYY ngày/...../2025 của TTYY huyện Tân Kỳ)

Địa chỉ/SĐT:.....

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

[illegible]

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm 2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Các thông số kỹ thuật sản phẩm báo giá tại mục 1 của bản báo giá đúng với các thông tin trong tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế do chúng tôi chào giá và phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu của bên mời chào giá (tại phụ lục 1).
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong bản báo giá.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁶⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Mã HH ghi theo mã hàng hoá mời chào giá

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi tên thương mại của hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “danh mục thiết bị y tế”.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi các thông số kỹ thuật của thiết bị y tế phù hợp với thông số kỹ thuật mời chào giá

6), Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính, quy cách của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất của thiết bị y tế.

(9), (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế [đã bao gồm chi phí cho các dịch vụ liên quan (13), thuế, phí, lệ phí (14)] tương ứng với từng thiết bị y tế.

(13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(15) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).

(16) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.